STT	Tên đường phố, địa danh	Đoạn đường		Giá đất ở				Giá đất thương mại dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
	Khu vực 3														
1523	Đường trục chính các thôn Đồng Lai, thôn Đồng Bình, thôn Bồ Dương, thôn Đồng Hội, thôn Động Trạch, thôn Cúc Bồ, thôn Cúc Thị, thôn Đà Phố	Đầu đường	Cuối đường	4.300	2.800	1.900	1.500	1.290	840	780	750	1.075	800	750	720
1524	Đường trục chính các thôn còn lại	Đầu đường	Cuối đường	2.900	1.800	1.300	1.100	870	810	780	750	800	760	740	720
102	**XÃ TÂN AN**														
	Khu vực 1														
1525	Đường trục Bắc- Nam	Cầu Hồng Đức	Giáp xã Hồng Châu	18.000	9.000	7.200	5.400	5.400	2.700	2.160	1.620	4.500	2.250	1.800	1.350
1526	Đường 392: Đoạn thuộc xã Tân An (các thôn Mai Động, Tế Cầu)	Thôn Mai Động	Thôn Tế Cầu	14.400	7.200	5.800	4.300	4.320	2.160	1.740	1.290	3.600	1.800	1.450	1.075
1527	Đường 392: Đoạn thuộc xã Tân An (các thôn 1, thôn 4)	Thôn 1, xã Tân An	Thôn 4, xã Tân An	10.000	5.000	4.000	3.000	3.000	1.500	1.200	900	2.500	1.250	1.000	750
1528	Đường 396B	Điểm giao cắt đường 396B với đường 392	Cầu Di Linh	15.000	7.500	6.000	4.500	4.500	2.250	1.800	1.350	3.750	1.875	1.500	1.125
1529	Đường 396C	Điểm giao cắt đường 396C với đường trục Bắc - Nam	Giáp xã Khúc Thừa Dụ	12.500	6.200	5.000	3.800	3.750	1.860	1.500	1.140	3.125	1.550	1.250	950
1530	Khu dân cư mới thôn Kim Chuế	Các lô đường gom đường 396B		17.000				5.100				4.250			
1531	Khu dân cư mới thôn Kim Chuế	Các lô còn lại		13.000				3.900				3.250			
1532	Khu dân cư mới thôn Kim Húc	Các lô mặt đường trục thôn Kim Húc		17.000				5.100				4.250			
1533	Khu dân cư mới thôn Kim Húc	Các lô còn lại		13.000				3.900				3.250			
	Khu vực 2														
1534	Đường trục xã (Đất đường huyện cũ): Đoạn thuộc thôn Tiền Liệt	Đầu đường	Cuối đường	12.500	6.200	5.000	3.800	3.750	1.860	1.500	1.140	3.125	1.550	1.250	950
1535	Đường trục xã (Đất đường huyện cũ): Đoạn thuộc các thôn còn lại	Đầu đường	Cuối đường	10.000	5.000	4.000	3.000	3.000	1.500	1.200	900	2.500	1.250	1.000	750
	Khu vực 3														
1536	Đường trục chính các thôn: Đồng Lạc, Kim Húc, Tế Cầu, Mai Động, Ứng Bộ, Vân Cầu, Kim Chuế, Hữu Chung, Tiền Liệt, Tân Hợp, Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4	Đầu đường	Cuối đường	7.200	3.800	2.000	1.600	2.160	1.140	780	750	1.800	950	750	720
1537	Đường trục chính các thôn: Trại Mũa, Hữu Chung (Khu Trại Chuông), Tiền Liệt (xóm Trại Sặt), Thôn 1 (khu bên sông), Đồng Lạc (khu Lò Vôi)	Đầu đường	Cuối đường	4.300	2.500	1.300	1.100	1.290	810	780	750	1.075	800	750	720
103	**XÃ HỒNG CHÂU**														
	Khu vực 1														